

7.3. Câu khiến: (Tuần 27- Lớp 4)

A) Ghi nhớ:

- Câu khiến (câu cầu khiến, câu mệnh lệnh) dùng để nêu yêu cầu, đề nghị, mong muốn, ... của người nói, người viết với người khác.

- Khi viết, cuối câu khiến có dấu chấm than hoặc dấu chấm.

- Muốn đặt câu khiến, có thể dùng một trong những cách sau:

+ Thêm từ hãy hoặc đừng, chớ, nên, phải, ... vào trước ĐT.

+ Thêm từ lên hoặc đi, thôi, nào, ... vào cuối câu.

+ Thêm từ đề nghị hoặc xin, mong, ... vào đầu câu.

- Dùng giọng điệu phù hợp với câu khiến.

* Lưu ý: Khi nêu yêu cầu, đề nghị, phải giữ phép lịch sự. Muốn vậy, cần có cách xưng hô cho phù hợp và thêm vào trước hoặc sau ĐT các từ Làm ơn, giùm, giúp, ...

- Ta cũng có thể dùng câu hỏi để nêu yêu cầu, đề nghị.

B) Bài tập thực hành:

Bài 1: Hãy đặt 3 câu khiến tương ứng với 3 tình huống sau:

a) Mượn bạn một cuốn truyện tranh.

b) Nhờ chị lấy hộ cốc nước.

c) Xin bố mẹ cho về quê thăm ông bà.

Bài 2: Đặt câu khiến theo các yêu cầu dưới đây:

a) Câu khiến có từ đừng (hoặc chớ, nên, phải) ở trước ĐT làm VN.

b) Câu khiến có từ lên (hoặc đi, thôi) ở cuối câu.

c) Câu khiến có từ đề nghị ở đầu câu.

* Đáp án: VD: Con đừng ngồi lâu trước máy vi tính.

Bài 3: Em hãy nêu các tình huống có thể dùng câu khiến đã đặt ở bài tập 2.

* Đáp án: (theo VD trên): Bố khuyên con vì thấy con ngồi lâu trước máy vi tính.

Bài 4:

a) Đặt câu khiến có từ Làm ơn đứng trước ĐT.

b) Đặt câu khiến có từ giúp (giùm) đứng sau ĐT.

.....

7.4. Câu cảm: (Tuần 30- Lớp 4)

A) Ghi nhớ:

- Câu cảm (câu cảm thán) là câu dùng để bộc lộ cảm xúc (vui mừng, thán phục, đau xót, ngạc nhiên, ...) của người nói.

- Trong câu cảm, thường có các từ: Ôi, chao, chà, quá, lắm, thật, ... Khi viết, cuối câu cảm thường có dấu chấm than.

B) Bài tập thực hành:

Bài 1: Đặt câu cảm, trong đó có:

a) Một trong các từ: Ôi, ồ, chà đứng trước.

b) Một trong các từ lắm, quá, thật đứng cuối.

* Đáp án: VD: Ôi, biển đẹp quá !

Bài 2: Chuyển các câu sau thành các loại câu hỏi, câu khiến, câu cảm:

- a) Cánh điều bay cao.
- b) Gió thổi mạnh.
- c) Mùa xuân về.

* **Đáp án:**

- a) - Cánh điều bay cao không?
 - Cánh điều hãy bay cao lên !
 - Ôi, cánh điều bay cao quá !

Bài 3: Hãy diễn đạt cảm xúc của mình trong những tình huống sau đây bằng những câu cảm:

- a) Được đọc một quyển truyện hay.
- b) Được tặng một món quà hấp dẫn.
- c) Bất ngờ gặp lại một người bạn thân xa nhau đã lâu.
- d) Làm hỏng một việc gì đó.
- e) Gặp phải một sự rủi ro nào đó.

* **Đáp án:**

VD: e) Ôi, thật là xui xẻo !

.....

8. Phân loại câu theo cấu tạo - Câu ghép: (Tuần 19- Lớp 5)

A) Ghi nhớ:

- Dựa vào đặc điểm cấu tạo, câu có thể chia ra thành câu đơn và câu ghép.

a) **Câu đơn:** Xét về cấu tạo chỉ gồm một nòng cốt câu (bao gồm 2 bộ phận chính là CN và VN).

b) **Câu ghép:** là câu do nhiều vế ghép lại. Mỗi vế câu ghép thường có cấu tạo giống một câu đơn.. (có đủ CN, VN) và thể hiện một ý có quan hệ chặt chẽ với ý của những vế câu khác.

Có 2 cách nối các vế câu trong câu ghép:

- Cách 1: Nối bằng các từ có tác dụng nối.
- Cách 2: Nối trực tiếp (không dùng từ nối). Trong trường hợp này, giữa các vế câu cần có dấu phẩy, dấu chấm phẩy hoặc dấu hai chấm.

* Xem thêm về câu đơn:

Câu đơn có thể chia thành 3 loại: câu đơn bình thường, câu đơn đặc biệt và câu rút gọn.

- Câu đơn bình thường là câu đơn có đủ 2 bộ phận chính làm nòng cốt câu.

- Câu đơn rút gọn là câu đơn không có đầy đủ cả 2 bộ phận chính làm nòng cốt câu (một bộ phận, đôi khi cả 2 bộ phận của câu đã bị lược bỏ trong khi đối thoại. Song khi cần thiết, ta có thể hoàn thiện lại các bộ phận đã bị lược bỏ).

VD:

+ Lan ơi, bao giờ lớp ta lao động?

+ Sáng mai. (Nòng cốt câu đã bị lược bỏ. Hoàn thiện lại: Sáng mai, lớp ta lao động)

- Câu đơn đặc biệt là câu chỉ có một bộ phận làm nòng cốt, không xác định được đó là bộ phận gì. Khác với câu rút gọn, người ta không thể xác định được bộ phận làm nòng cốt của câu đặc biệt là CN hay VN. Câu đặc biệt dùng để biểu lộ cảm xúc hoặc nêu nhận xét về một sự vật, hiện tượng.

VD:

- + Tâm ! Tâm ơi ! (kêu, gọi)
- + Ôi ! Vui quá ! (bộc lộ cảm xúc, tình cảm, thái độ)
- + Ngày 8.3.1989. Hôm nay mẹ rất vui. (xác định thời gian)
- + Mưa. (xác định cảnh tượng)
- + Hà Nội. (xác định nơi chốn)
- + Tiếng reo. Tiếng vỗ tay. (liệt kê sự vật, hiện tượng)

Lưu ý: Câu đặc biệt khác với câu đảo CN- VN: Câu đặc biệt thường chỉ sự tồn tại, xuất hiện. Còn câu đảo C-V thường là câu miêu tả, có dụng ý nghệ thuật, đảo để nhấn mạnh.

VD: + Trên trời, có đám mây xanh. (Câu đặc biệt)

- + Đẹp vô cùng Tổ quốc của chúng ta. (Câu đảo C-N)
- + Mưa ! Mưa ! (Câu đặc biệt)
- + (Hôm nay trời thế nào?)
- + Mưa. (Câu rút gọn)

* Dạng câu rút gọn và câu đặc biệt không đưa vào chương trình tiểu học nhưng GV cũng nên quan tâm để tiện cho việc theo dõi và phân loại)

.....

B) Bài tập thực hành:

Bài 1: Hãy cho biết các câu trong đoạn văn sau là câu đơn hay câu ghép.

Tìm CN và VN của chúng.

Đêm / xuống, mặt trăng / tròn vành vạnh. Cảnh vật / trở nên huyền ảo. Mặt ao / sóng sánh, một mảnh trăng / bồng bênh trên mặt nước.

Đây là dạng trung gian giữa câu đơn bình thường và câu đơn đặc biệt.

* **Đáp án:**

- Câu 1, 3: Câu ghép
- Câu 2: Câu đơn
- Đã tách CN, VN ở phần đề.

Bài 2: Phân các loại câu dưới đây thành 2 loại: Câu đơn và câu ghép. Tìm CN và VN của chúng.

a) Mùa thu năm 1929, Lý Tự Trọng / về nước, được giao nhiệm vụ làm liên lạc, chuyển và nhận thư từ, tài liệu trao đổi với các đảng bạn qua đường tàu biển.

b) Lương Ngọc Quyến / hi sinh nhưng tấm lòng trung với nước của ông / còn sáng mãi.

c) Mấy con chim chào mào từ hốc cây nào đó bay ra / hót râm ran.

d) Mưa / rào rào trên sân gạch, mưa / đồm độp trên phen nứa.

* **Đáp án:**

- Câu ghép: b) và d)

Bài 3: Có thể tách các vế trong câu ghép tìm được ở BT2 thành các câu đơn được không, vì sao?

* **Đáp án:** Không tách được, vì nội dung của các vế câu có quan hệ mật thiết với nhau.

Bài 4: Điền vế câu còn thiếu vào chỗ trống để hoàn thành các câu ghép sau:

- a) Nó nói và.....
- b) Nó nói rồi.....
- c) Nó nói còn.....
- d) Nó nói nhưng.....

Bài 5: Điền vế câu còn thiếu vào chỗ trống để hoàn chỉnh các câu ghép sau:

- a) Lan học bài,
còn.....
- b) Nếu trời mưa to
thì.....
- c), còn bố em là bộ đội.
- d)nhưng Lan vẫn đến lớp.

Bài 6: Trong các câu sau, câu nào không phải là câu ghép:

- a) Em được mọi người yêu mến vì em chăm ngoan học giỏi.
- b) Vì em chăm ngoan học giỏi, em được mọi người yêu mến.
- c) Em muốn được mọi người yêu mến nên em chăm ngoan học giỏi.
- d) Nhờ em chăm ngoan học giỏi mà em được mọi người yêu mến.

* **Đáp án:** Đều là câu ghép.

Bài 7: Hãy cho biết những câu văn sau là câu đơn hay câu ghép. Tìm CN, VN của chúng:

- a) Ánh nắng ban mai / trải xuống cánh đồng vàng óng, xua tan dần hơi lạnh đầu đông. (Câu đơn)
- b) Làn gió nhẹ / chạy qua, những chiếc lá / lay động như những đốm lửa vàng, lửa đỏ bập bùng cháy. (Câu ghép)
- c) Nắng / lên, nắng /chan mỡ gà trên những cánh đồng lúa chín. (Câu ghép)

Bài 8: Xác định TN, CN, VN của những câu văn sau:

- a) Trong đêm tối mịt mùng, trên dòng sông mênh mông, chiếc xuồng của má Bả chở thương binh / lặng lẽ trôi.
- b) Dưới bóng tre của ngàn xưa, thấp thoáng / mái đình, mái chùa cổ kính.

Lưu ý: Câu b) là câu đảo C-V

Bài 9: Tìm trạng ngữ, CN và VN của những câu văn trong đoạn văn sau:

- a) Mùa xuân, lá bàng mới nảy / trông như những ngọn lửa xanh. Sang hè, lá / lên thật dày, ánh sáng xuyên qua / chỉ còn là màu ngọc bích. Sang cuối thu, lá bàng / ngả thành màu tím và bắt đầu rụng xuống. Qua mùa đông, cây bàng / trụi hết lá, những chiếc cành khẳng khiu / in trên nền trời xám đục.
- b) Sự sống / cứ tiếp tục trong âm thầm, hoa thảo quả / nảy dưới gốc cây kín đáo và lặng lẽ. Ngày qua, trong sương thu ẩm ướt và mưa rây bụi mùa đông, những chùm hoa khép miệng / bắt đầu kết trái. Dưới tầng đáy rừng,

tựa như đột ngột, những chùm thảo quả đỏ chon chót / bỗng rực lên, bóng bầy như chứa lửa, chứa nắng.

9. Nói các vế câu ghép bằng quan hệ từ (Tuần 20-Tuần 2 / Lớp5)

- * Cách nói các vế câu ghép:
- Nói trực tiếp
 - Dùng từ nối:
 - Nói bằng quan hệ từ
 - Nói bằng cặp từ hô ứng

A) Ghi nhớ:

* Các vế trong câu ghép có thể được nối với nhau bằng một quan hệ từ (QHT) hoặc một cặp quan hệ từ.

* Để thể hiện quan hệ nguyên nhân - kết quả giữa hai vế câu ghép, ta có thể nối chúng bằng:

- Một QHT: vì, bởi vì, nên, cho nên, ...

- Hoặc một cặp QHT: Vì....nên... ; Bởi vì....cho nên..... ; Tại vì....cho nên.... ; Do....nên... ; Do....mà..... ; Nhờ....mà....

* Để thể hiện quan hệ điều kiện - kết quả, giả thiết - kết quả giữa 2 vế câu ghép, ta có thể nối chúng bằng:

- Một QHT: Nếu, hễ, giá, thì, ...

- Hoặc một cặp QHT: Nếu.... thì... ; Nếu như... thì.... ; Hễ....thì.... ; Hễ mà....thì..... ; Giá....thì....

* Để thể hiện mối quan hệ tương phản giữa hai vế câu ghép, ta có thể nối chúng bằng:

- Một QHT: Tuy, dù, mặc dù, nhưng, ...

- Hoặc một cặp QHT: Tuy....nhưng.... ; Mặc dù.....nhưng.....

* Để thể hiện mối quan hệ tăng tiến giữa các vế câu ghép, ta có thể nối chúng bằng một trong các cặp QHT: Không những....mà... ; Chẳng những... mà.... ; Không chỉ....mà....

B) Bài tập thực hành:

Bài 1: Tìm QHT thích hợp để điền vào chỗ trống trong từng câu dưới đây:

a) Em chăm chỉ hiền lành...anh thì tham lam, lười biếng.

b) Tôi khuyên nó....nó vẫn không nghe.

c) Mưa rất to.....gió rất lớn.

d) Cậu đọc....tớ đọc

Bài 2: Tìm cặp QHT thích hợp để điền vào chỗ trống trong từng câu sau:

a).....tôi đạt học sinh giỏi.....bố mẹ thưởng cho tôi một chiếc xe đạp.

b).....trời mưa.....lớp ta sẽ hoãn đi cắm trại.

c).....gia đình gặp nhiều khó khăn.....bạn Nam vẫn phấn đấu học tốt.

d).....trẻ con thích xem phim Tây Du Ký.....người lớn cũng rất thích.

* **Đáp án:**

- a) Vì....nên...
- b) Nếu...thì...
- c) Tuy...nhưng....
- d) Không những.....mà....

Bài 3: Xác định các vế câu và các QHT, cặp QHT trong từng câu ghép dưới đây:

- a) Tại lớp trưởng vắng mặt nên cuộc họp lớp bị hoãn lại.
- b) Vì bão to nên cây cối đổ nhiều.
- c) Nó không chỉ học giỏi Toán mà nó còn học giỏi Tiếng Việt.
- d) Do nó học giỏi văn nên nó làm bài rất tốt.

Bài 4: Từ mỗi câu ghép ở BT3, hãy tạo ra một câu ghép mới bằng cách thay đổi vị trí của các vế câu (có thể thêm, bớt một vài từ)

* **Đáp án:**

VD: a) Cuộc họp lớp bị hoãn lại vì lớp trưởng vắng mặt.

Bài 5: Tìm nghĩa ở cột B nối với từ thích hợp ở cột A:

A	B
Do	a) Biểu thị điều sắp nêu ra là nguyên nhân dẫn đến kết quả tốt đẹp được nói đến.
Tại	b) Biểu thị điều sắp nêu ra là nguyên nhân của sự việc được nói đến.
Nhờ	c) Biểu thị điều sắp nêu ra là nguyên nhân của sự việc không hay được nói đến.

* **Đáp án:** a) Nhờ b) Do c) Tại

Bài 6: Hãy xác định ý nghĩa các cặp QHT có trong các câu dưới đây:

- a) Nếu trời trở rét thì con phải mặc áo ấm.
- b) Do cha mẹ quan tâm dạy dỗ nên em bé rất ngoan
- c) Tuy Nam không được khoẻ nhưng Nam vẫn đi học.
- d) Mặc dù nhà nó xa nhưng nó không bao giờ đi học muộn.
- e) Không những nó học giỏi mà nó còn hát rất hay.

Bài 7: Điền vế câu thích hợp vào chỗ trống để hoàn chỉnh các câu ghép chỉ quan hệ tăng tiến sau:

- a) Lan không chỉ chăm học....
- b) Không chỉ trời mưa to....
- c) Trời đã mưa to.....
- d) Đứa trẻ chẳng những không nín khóc....

* **Đáp án:**

- a).....mà Lan còn chăm làm.
- b).....mà gió còn thổi rất mạnh.
- c).....lại còn gió rét nữa.
- d).....mà nó lại còn khóc to hơn.

....

10. Nối các vế câu ghép bằng cặp từ hô ứng: (Tuần 24- lớp 5)

A) Ghi nhớ: Để thể hiện mối quan hệ về nghĩa giữa các vế câu, ngoài QHT, ta còn có thể nối các vế câu ghép bằng một số cặp từ hô ứng như:

- Vừa... đã... ; chưa... đã... ; mới... đã... ; vừa...
đã... ; càng... càng....

- Đâu... đấy. ; nào... ấy. ; sao... vậy. ; bao nhiêu... bấy nhiêu.

B) Bài tập thực hành:

Bài 1: Xác định các vế câu, cặp từ hô ứng nối các vế câu trong từng câu ghép dưới đây:

a) Mẹ bảo sao / thì con làm vậy.

b) Học sinh nào chăm chỉ / thì học sinh đó đạt kết quả cao trong học tập.

c) Anh cần bao nhiêu / thì anh lấy bấy nhiêu.

d) Dân càng giàu / thì nước càng mạnh.

Bài 2: Tìm cặp từ hô ứng thích hợp điền vào chỗ trống:

a) Nó...về đến nhà, bạn nó... gọi đi ngay.

b) Gió...to, con thuyền...lướt nhanh trên biển.

c) Tôi đi...nó cũng đi...

d) Tôi nói....., nó cũng nói....

* **Đáp án** a) vừa... đã... b) càng...càng... c) đâu.... đấy. d) ...sao....vậy.

Bài 3: Điền vế câu thích hợp vào chỗ trống để hoàn chỉnh các câu ghép:

a) Mưa càng lâu, ...

b) Tôi chưa kịp nói gì,

c) Nam vừa bước lên xe buýt, ...

d) Các bạn đi đâu thì....

* **Đáp án:**

a)..... đường càng lầy lội.

b).....nó đã bỏ chạy.

c).....xe đã chuyển bánh.

d).....tôi theo đấy.

.....

11. Dấu câu:

A) Ghi nhớ:

* Dấu câu là kí hiệu chữ viết để biểu thị ngữ điệu khác nhau. Những ngữ điệu này lại biểu thị những quan hệ ngữ pháp khác nhau và những mục đích nói khác nhau.

* Mười dấu câu thường dùng là: Dấu chầm, chấm hỏi, chấm than (chấm cảm), dấu phẩy, chấm phẩy, hai chấm, gạch ngang, ngoặc đơn, ngoặc kép, chấm lửng (ba chấm).

a) Dấu chấm:

Dấu chấm đặt ở cuối câu báo hiệu câu đã kết thúc. Viết hiết câu phải ghi dấu chấm. Khi đọc, gặp dấu chấm phải hạ giọng và nghỉ hơi (nghỉ hơi một quãng bằng khoảng thời gian đọc một chữ). Chữ cái đầu câu phải viết hoa.

Dấu chấm thường đặt ở cuối câu kể, đồng thời có khả năng đánh dấu sự kết thúc của một đoạn văn.

b) Dấu phẩy:

- Dấu phẩy được đặt xen kẽ trong câu. Một câu có thể có một hoặc nhiều dấu phẩy. Khi đọc, gặp dấu phẩy phải ngắt hơi ngắn (thời gian ngắt hơi bằng bằng nửa quãng nghỉ hơi sau dấu chấm). Dấu phẩy giúp cho các ý, các phần trong câu được phân cách rõ ràng.

- Dấu phẩy dùng để:

+ Tách các bộ phận cùng loại (đồng chức) với nhau.

+ Tách các bộ phận phụ với nòng cốt câu.

+ Tách các vế câu ghép.

c) Dấu chấm hỏi: Dùng đặt cuối câu hỏi. Khi đọc câu có dấu chấm hỏi, cần nhấn mạnh vào nội dung cần hỏi. Thời gian nghỉ lấy hơi sau dấu phẩy như dấu chấm. Sau dấu chấm hỏi, bắt đầu một câu khác, phải viết hoa chữ cái đầu câu.

d) Dấu chấm than (dấu chấm cảm): Là dấu câu dùng để đặt cuối câu cảm hoặc câu khiến. Khi gặp dấu chấm cảm phải nghỉ hơi như dấu chấm.

e) Dấu chấm phẩy: Là dấu dùng đặt giữa các vế câu hoặc các bộ phận đẳng lập với nhau. Khi đọc phải ngắt ở dấu chấm phẩy, ngắt quãng dài hơn so với dấu phẩy và ngắn hơn so với dấu chấm.

f) Dấu hai chấm: Là dấu dùng để:

- Báo hiệu lời tiếp theo là lời nói trực tiếp của người khác được dẫn lại (dùng kèm dấu ngoặc kép hoặc dấu gạch đầu dòng).

- Báo hiệu lời tiếp theo là lời giải thích, thuyết minh cho bộ phận đứng trước nó.

g) Dấu gạch ngang: Là dấu câu dùng để:

- Đặt trước những câu hội thoại.

- Đặt trước bộ phận liệt kê.

- Dùng để tách phần giải thích với các bộ phận khác của câu.

- Dùng để đặt trước các con số, tên riêng để chỉ sự liên kết.

h) Dấu ngoặc đơn: Là dấu câu dùng để:

- chỉ ra nguồn gốc trích dẫn.

- Chỉ ra lời giải thích.

i) Dấu ngoặc kép: Dùng để:

- Báo hiệu lời dẫn trực tiếp.

- Đánh dấu tên một tác phẩm.

- Báo hiệu những từ trong ngoặc kép phải hiểu theo nghĩa khác với nghĩa vốn có của nó hoặc hiểu theo nghĩa ngược lại, mỉa mai.

k) Dấu chấm lửng (dấu ba chấm): Dùng để:

- Biểu thị lời nói bị đứt quãng vì xúc động.

- Ghi lại những chỗ kéo dài của âm thanh.

- Chỉ ra rằng người nói chưa nói hết.

B) Bài tập thực hành:

Bài 1: Trong những câu sau đây, dấu hai chấm có tác dụng gì?

- a) Sự vật xung quanh tôi có sự thay đổi lớn: Hôm nay tôi đi học.
- b) Bố dặn bé Lan: “Con phải học bài xong rồi mới đi chơi đấy!”.

* **Đáp án:**

- a) Bắt đầu sự giải thích.
- b) Mở đầu câu trích dẫn.

Bài 2: Đặt 2 câu có dùng dấu ngoặc đơn:

- Phần chú thích trong ngoặc đơn làm rõ ý một từ ngữ.
- Phần chú thích cho biết xuất xứ của đoạn văn.

Bài 3: Điền dấu phẩy, dấu chấm, dấu hai chấm, dấu gạch ngang, dấu chấm hỏi và dấu chấm cảm vào chỗ trống sao cho thích hợp:

Sân ga ồn ào....nhộn nhịp.....đoàn tàu đã đến.....
.....Bố ơi....bố đã nhìn thấy mẹ chưa.....
.....Đi lại gần nữa đi....con.....
....A....mẹ đã xuống kia rồi.....

* **Đáp án:**

- Sân ga ồn ào, nhộn nhịp: đoàn tàu đã đến.
- Bố ơi, bố đã nhìn thấy mẹ chưa?
- Đi lại gần nữa đi, con !
- A, mẹ đã xuống kia rồi !

Bài 4: Hãy chữa lại các dấu câu viết sai cho các câu sau:

- a) Con tìm xem quyển sách để ở đâu?
- b) Mẹ hỏi tôi có thích xem phim không?
- c) Tôi cũng không biết là tôi có thích hay không?

Bài 5: Tách đoạn văn sau ra thành nhiều câu đơn. Chép lại đoạn văn và điền dấu câu thích hợp. Nhớ viết hoa và xuống dòng cho đúng:

Một con Dê Trắng vào rừng tìm lá non bỗng gặp Sói Sói quát dê kia mi đi đâu Dê Trắng run rẩy tôi đi tìm lá non trên đầu mi có cái gì thế đầu tôi có sừng tim mi thế nào tim tôi đang run sợ...

* **Đáp án:**

- Một con Dê Trắng vào rừng tìm lá non, bỗng gặp Sói. Sói quát:
- Dê kia, mi đi đâu?
- Dê Trắng run rẩy:
- Tôi đi tìm lá non.
 - Trên đầu mi có cái gì thế?
 - Đầu tôi có sừng.
 - Tim mi thế nào?
 - Tim tôi đang run sợ...

12. Liên kết câu: (Tuần 25- Lớp 5)

* Liên kết câu: Lặp từ ngữ, Thay thế từ ngữ, Dùng từ ngữ để nối, (Liên tưởng.....)

A) Ghi nhớ:

* Câu văn là một bộ phận của đoạn văn. Trong một đoạn văn, các câu văn phải liên kết chặt chẽ với nhau cả về nội dung và hình thức. Cụ thể:

a) Về nội dung:

- Các câu phải phục vụ chủ đề chung của đoạn văn.

VD: “ Mẹ Vân là bác sĩ. Quần áo ở cửa hàng này rất đẹp. Chiếc ô tô đi nhanh ”.

Chuỗi câu này không tạo thành đoạn văn vì mỗi câu nói về một chủ đề riêng.

- Các câu phải sắp xếp theo trật tự hợp lí.

VD: “Mẹ Vân là bác sĩ. Người Trang gặp đầu tiên là mẹ Vân. Trang tìm đến nhà Vân. Bác làm việc ở thành phố”. Chuỗi câu này cũng không tạo thành đoạn văn vì trật

tự sắp xếp không hợp lí.

b) Về hình thức:

Ngoài sự liên kết về nội dung, giữa các câu trong đoạn phải được liên kết bằng những dấu hiệu hình thức nhất định. Về hình thức, người ta thường liên kết các câu bằng các phép liên kết như phép lặp (lặp từ ngữ), phép thế (thay thế từ ngữ), phép nối (dùng từ ngữ để nối), phép liên tưởng, ...

*** Phép lặp:**

- Ta có thể liên kết một câu với một câu đứng trước nó bằng cách dùng bằng cách lặp lại trong câu ấy những từ ngữ đã xuất hiện ở câu đứng trước nó.

- Khi sử dụng phép lặp cần lưu ý phối hợp với các phép liên kết khác để tránh lặp lại từ ngữ quá nhiều, gây ấn tượng nặng nề.

*** Phép thế:**

- Ta có thể liên kết một câu với một câu đứng trước nó bằng cách dùng đại từ hoặc những từ ngữ đồng nghĩa thay thế cho các từ ngữ đã dùng ở câu đứng trước.

- Việc sử dụng đại từ hoặc từ đồng nghĩa liên kết câu làm cho cách diễn đạt thêm đa dạng, hấp dẫn.

*** Phép nối:**

- Ta có thể liên kết một câu với một câu đứng trước nó bằng quan hệ từ hoặc một số từ ngữ có tác dụng kết nối như: nhưng, tuy nhiên, thậm chí, cuối cùng, ngoài ra, mặt khác, trái lại, đồng thời, ...

- Việc sử dụng quan hệ từ hoặc những từ ngữ có tác dụng kết nối giúp ta nắm được mối quan hệ về nội dung giữa các câu trong đoạn văn, bài văn.

B) Bài tập thực hành:

Bài 1: Tìm từ được lặp lại để liên kết câu:

Bé thích làm kĩ sư giống bố và thích làm cô giáo giống mẹ. Lại có lúc bé thích làm bác sĩ để chữa bệnh cho ông ngoại....

*** Đáp án:**

Từ ngữ lặp: bé thích làm.

Bài 2: Tìm từ trùng lặp có thể thay thế được bằng đại từ hoặc từ ngữ đồng nghĩa. Hãy thay thế và chép lại đoạn văn:

Páp-lốp nổi tiếng là người làm việc nghiêm túc. Páp-lốp có thói quen làm việc rất thận trọng. Các thí nghiệm của Páp-lốp thường được lặp lại rất nhiều lần...

* **Đáp án:**

Páp-lốp => ông

Làm việc => xử lí công việc

Bài 3: Tìm những từ ngữ thích hợp trong ngoặc đơn để điền vào chỗ trống trong đoạn trích:

Sông Hương là một bức tranh phong cảnh khổ dài mà mỗi đoạn, mỗi khúc đều có vẻ đẹp riêng của nó. Cứ mỗi mùa hè tới, ..(1)...bỗng thay chiếc áo xanh hàng ngày bằng thành dải lụa đào ửng hồng cả phố phường. Những đêm trăng sáng, ..(2)...là một đường trăng lung linh rất vàng...(3)....là một đặc ân của thiên nhiên dành cho Huế.

(dòng sông, sông Hương, Hương Giang)

* **Đáp án:**

(1): Hương Giang

(2): dòng sông

(3): Sông Hương

Bài 4: Tìm từ ngữ có tác dụng nổi trong đoạn trích sau, nói rõ từ ngữ này nổi kết những nội dung gì với nhau:

Bọn thực dân Pháp đã không đáp ứng, lại thẳng tay khùng bố Việt minh hơn trước. Thậm chí, đến khi thua chạy, chúng còn nhẫn tâm giết nốt số đông tù chính trị ở Yên Bái và Cao Bằng. Tuy vậy, đối với người Pháp, đồng bào ta vẫn giữ một thái độ khoan hồng và nhân đạo.

(Hồ Chí Minh)

* **Đáp án:**

- Tuy vậy: Có tác dụng biểu thị sự đối lập giữa ý trên và ý dưới.

Bài 5: Mỗi từ ngữ gạch chân dưới đây có tác dụng gì?

a) Chú Gà Trống Rừng có tiếng gáy rất hay nên ai cũng thích nghe. Thế nhưng, lão Hồ Văn lại không thích tiếng gáy đó một chút nào.

b) Một hôm, chim Gõ Kiến đến chơi nhà chị Công... Gõ Kiến lại đến chơi nhà Sáo Sậu. Cuối cùng, Gõ Kiến lại đến nhà Gà.

* **Đáp án:**

- Thế nhưng: Biểu thị sự đối lập.

- Cuối cùng: Biểu thị ý kết thúc, sau cùng.

.....

PHẦN II: TẬP LÀM VĂN

* Chương trình Phân môn TLV:

- Lớp 2:

- + Tuần 10: Kể về người thân.
- + Tuần 13: Kể về gia đình.
- + Tuần 20: Tả ngắn về bốn mùa.
- + Tuần 28: Tả ngắn về cây cối.
- + Tuần 34: Kể ngắn về người thân.

- Lớp 3:

- + Tuần 3: Kể về gia đình.
- + Tuần 6: Kể lại buổi đầu em đi học.
- + Tuần 8: Kể về người hàng xóm.
- + Tuần 11, 12: Nói, viết về quê hương và cảnh đẹp đất nước.
- + Tuần 16, 17: Nói về thành thị, nông thôn.
- + Tuần 21, 22: Nói, viết về người lao động trí óc.
- + Tuần 23 - 32: Kể lại một buổi biểu diễn nghệ thuật, lễ hội, một trận thi đấu thể thao, bảo vệ môi trường.
- + Tuần 13, 31: Viết thư.
- + Tuần 33: Ghi chép sổ tay.

- Lớp 4:

- + Tuần 1 – 12: Kể chuyện(cốt chuyện ; xây dựng đoạn văn ; phát triển câu chuyện ; hành động, ngoại hình của nhân vật ; mở bài, kết bài, ...)
- + Tuần 3, 5: Viết thư.
- + Tuần 14 - 32: miêu tả (đồ vật, cây cối, con vật: quan sát, xây dựng đoạn văn, mở bài, kết bài).

- Lớp 5:

- + Tuần 1 - 8: Tả cảnh (dựng đoạn mở bài, kết bài).
- + Tuần 12 - 19: Tả người (ngoại hình, hoạt động ; dựng đoạn mở bài, kết bài)
- + Tuần 22 - 34: Ôn tập văn kể chuyện, tả đồ vật, cây cối, con vật, tả cảnh, tả người.

1) Bài tập về phép viết câu:

1.1. Ghi nhớ:

* Câu văn là một bộ phận của bài văn. Vì vậy, muốn có một đoạn văn hay thì phải có các câu văn hay. Muốn viết được câu văn hay, ngoài việc dùng từ chính xác, câu văn cần phải có hình ảnh. Có hình ảnh, câu văn sẽ có màu sắc, đường nét, hình khối, ... Để câu văn có hình ảnh, các em cần lưu ý sử dụng các từ ngữ gợi tả, gợi cảm và các biện pháp nghệ thuật như so sánh, nhân hoá, điệp ngữ, đảo ngữ, ... Các hình thức nghệ thuật này sẽ làm cho câu văn trở nên sinh động hơn rất nhiều.

* Với cùng một nội dung thông báo, song với mỗi cách viết lại có một cách hiểu khác nhau.

VD: Với nội dung: Con sông chảy qua một cánh đồng, ta có thể diễn tả bằng nhiều cách như sau:

- Con sông nằm uốn khúc giữa cánh đồng xanh mướt lúa khoai. (Vẽ đẹp thuần túy).

- Con sông khoan thai nằm phơi mình trên cánh đồng xanh mướt lúa khoai. (Vẽ đẹp khoẻ khoắn).

- Con sông hiền hoà chảy qua cánh đồng xanh mướt lúa khoai. (Vẽ đẹp hiền hoà).

- Con sông lặng lẽ dấu mình giữa cánh đồng xanh mướt lúa khoai. (Vẽ đẹp trầm tư).

- Con sông mềm như một dải lụa vắt ngang qua ánh đồng xanh mướt lúa khoai. (Vẽ đẹp thơ mộng)

Như vậy, ý của câu văn hoàn toàn phụ thuộc vào ngụ ý của người viết. Với mỗi một cách diễn đạt khác nhau lại cho một giá trị biểu cảm khác nhau.

* Các biện pháp nghệ thuật thường sử dụng khi viết văn:

a) Biện pháp so sánh: Là đối chiếu 2 sự vật, hiện tượng cùng có một dấu hiệu chung nào đó với nhau, nhằm làm cho việc diễn tả được sinh động, gợi cảm.

VD: Bà như quả ngọt chín rồi
Càng thêm tuổi tác, càng tươi lòng vàng.
(Võ Thanh An)

(So sánh bà (sống lâu, tuổi đã cao) như quả ngọt chín rồi (quả đến độ già giặn, có giá trị dinh dưỡng cao). So sánh như vậy để cho người người đọc suy nghĩ, liên tưởng: Bà có tấm lòng thơm thảo, đáng quý ; có ích lợi cho cuộc đời, đáng nâng niu và trân trọng).

b) Biện pháp nhân hoá: Là biến sự vật (cỏ cây, hoa lá, gió trăng, chim thú, ...) thành con người bằng cách gán cho nó những đặc điểm mang tính cách người, làm cho nó trở nên sinh động, hấp dẫn.

VD: Ông trời nổi lửa đằng đông
Bà sân vấn chiếc khăn hồng đẹp thay.
(Trần Đăng Khoa)

(Nhà thơ đã sử dụng biện pháp nhân hoá bằng cách dụng từ xưng hô với các sự vật: “Ông trời”, “bà sân” cùng các hoạt động của con người: “nổi lửa”, “vấn chiếc khăn hồng”, giúp cho người đọc cảm nhận được một bức tranh cảnh vật buổi sáng đẹp đẽ, nhộn nhịp và sinh động).

c) Điệp từ, điệp ngữ: Là sự nhắc đi nhắc lại một từ ngữ, nhằm nhấn mạnh một ý nào đó, làm cho nó nổi bật và hấp dẫn người đọc.

VD: Oì ViệtNam! ViệtNam ơi !

ViệtNam! Ta gọi tên Người thiết tha...

Lê Anh Xuân

(Từ ViệtNam, tên gọi của đất nước, được nhắc lại 3 lần (điệp từ) nhằm nhấn mạnh tình cảm tha thiết gắn bó và yêu thương đất nước).

d) Biện pháp đảo ngữ: Là sự thay đổi trật tự cấu tạo ngữ pháp thông thường của câu văn, nhằm nhấn mạnh và làm nổi bật ý cần diễn đạt.

VD: Chất trong vị ngọt mùi hương

Lặng thầm thay những con đường ong bay...

Nguyễn Đức Mậu

(Dòng 2 đảo VN lên trước góp phần nhấn mạnh được ý nghĩa đẹp đẽ: Sự lao động thầm lặng, không mệt mỏi của bầy ong thật đáng cảm phục).

1.2. Bài tập thực hành:

Bài 1: Thêm từ ngữ vào chỗ trống để câu văn có sức gợi tả, gợi cảm hơn:

- Phía đông,mặt trời.....nhô lên đỏ rực.
- Bụi tre.....ven hồ.....ngiên mình.....theo gió.
- Trên cành cây....., mấy chú chim non.....kêu.....
- Khi hoàng hôn.....xuống, tiếng chuông chùa lại ngân.....
- Em bé.....cười.....

* **Đáp án:**

- Ông, đang từ từ.
- Ngà, đang, đu đưa.
- Cao, đang ríu rít, trong nắng chiều.
- Buông, vang.
- Toét, khanh khách.

Bài 2: Thay những từ gạch chân bằng những từ ngữ gợi tả hơn cho câu văn thêm sinh động:

- Cây chanh trong vườn đang nở hoa rất trắng.
- Các loài hoa trong vườn đang đua nhau nở.
- Tiếng chim kêu sau nhà khiến Lan giật mình thức dậy.
- Những đám mây đang khẽ trôi.
- Những cơn gió khẽ thổi trên mặt hồ.
- Gió thổi mạnh, lá cây rơi nhiều, từng đàn cò bay nhanh theo mây.
- Dòng sông chảy nhanh, nước réo to, sóng vỗ hai bên bờ mạnh.

h) Mưa xuống rất mau, giọt ngã, giọt bay, bụi nước toả trắng xoá. Con gà ướt hết đang đi tìm chỗ trú.

* **Đáp án:**

- a) Trắng muốt hoặc trắng xoá.
- b) Khoe sắc.
- c) Lạnh lót, choàng tỉnh dậy.
- d) Bồng bênh trôi.
- e) Nhẹ nhàng, lướt.
- f) Áo ào, lả tả, lả lướt.
- g) Cuồn cuộn, âm âm, ào ạt.
- h) Sầm sập, ướt lướt thướt, quáng quàng.

Bài 3: Dùng biện pháp so sánh để viết lại những câu văn sau cho sinh động, gợi tả hơn:

- a) Mặt trời đỏ ửng đang nhô lên ở đằng đông.
- b) Dòng sông quanh co chảy qua cánh đồng xanh mượt lúa khoai.
- c) Đất nước mình đâu cũng đẹp.
- d) Đám mây đen ùn ùn kéo tới, trời tối sầm lại.
- e) Đám mây bay qua bầu trời.
- f) Ánh nắng trải khắp cánh đồng.
- g) Cây bàng toả bóng mát rượi.
- h) Những cây phượng đã nở hoa đỏ chói.
- i) Bác nông dân khoẻ mạnh, nước da rám nắng.

* **Đáp án:**

- a) Ông mặt trời đỏ như quả cầu lửa đang từ từ nhô lên ở đằng đông.
- b) Dòng sông mềm như một dải lụa vắt qua cánh đồng xanh mượt lúa khoai.
- c) Đất nước mình đẹp như một bức tranh.
- d) Đám mây đen ùn ùn kéo đến, trời tối sầm lại.
- e) Đám mây mỏng như một dải lụa đang bay qua bầu trời.
- f) Ánh nắng vàng như mật ong đang trải khắp cánh đồng.
- g) Cây bàng như một chiếc ô khổng lồ toả bóng mát rượi.
- h) Bác nông dân khoẻ như một đô vật, nước da như màu đồng hun.

Bài 4: Dùng biện pháp nhân hoá để viết lại các câu văn sau cho gợi cảm hơn:

- a) Ánh trăng chiếu qua kẽ lá.
- b) Vườn trường xanh um lá nhãn.
- c) Ánh nắng chiếu xuống ngôi nhà.
- d) Mặt trời đang mọc ở đằng đông.
- e) Những bông hoa đang nở trong nắng sớm.
- f) Máy con chim đang hót ríu rít trên cành cây.
- g) Những cơn gió thổi nhẹ nhàng trên mặt hồ.
- h) Mặt trời đang lặn ở đằng tây.
- i) Mùa xuân, cây cối đâm chồi nảy lộc.

j) Cuối thu, cây bàng khẳng khiu, trụi lá.

* **Đáp án:**

a) Ánh trăng vạch kẽ lá nhìn xuống.

b) Vườn trường khoác một chiếc áo xanh um dẹt bằng lá nhãn.

c) Ánh nắng dang rộng vòng tay ôm ấp ngôi nhà.

d) Mặt trời vừa thức dậy ở đằng đông.

e) Những bông hoa đang tươi cười trong nắng sớm.

f) Mấy chú chim đang trò chuyện ríu rít trên cành cây.

g) Những cơn gió rón rén bước trên mặt hồ.

h) Mặt trời đang chuẩn bị chìm vào giấc ngủ dài.

i) Xuân về, những chồi non choàng tỉnh giấc, ngỡ ngàng nhìn khung trời mới lạ.

j) Đến cuối thu, bàng cởi bỏ chiếc áo choàng, hiên ngang vươn cao những cánh tay gầy guộc, đón chào cái lạnh đầu đông.

Bài 5: Dùng điệp ngữ viết lại các câu văn sau để nhấn mạnh và gợi cảm xúc cho người đọc:

a) Tôi yêu căn nhà đơn sơ, khu vườn đầy hoa trái và cả lũy tre thân mật làng tôi.

b) Bức tranh buổi sớm quê hương tôi đẹp quá !

c) Tôi lớn lên bằng tình thương của mẹ, của bố, của bà con xóm giềng nơi tôi ở.

d) Làng quê tôi tràn ngập màu xanh của đồng lúa, bãi ngô, thảm cỏ.

e) Hoa hồng, hoa huệ, hoa nhài đều thơm, hương thơm lan tỏa khắp vườn.

f) Cánh đồng quê tôi tràn ngập màu vàng của ánh nắng và những thảm lúa chín.

* **Đáp án:**

a) Tôi yêu căn nhà đơn sơ, yêu khu vườn đầy hoa trái và yêu cả lũy tre thân mật của làng tôi.

b) Bức tranh buổi sớm quê hương tôi đẹp quá ! Đẹp vô cùng !...

c) Tôi lớn lên bằng tình thương của mẹ, tình thương của bố và tình thương của bà con xóm giềng nơi tôi ở.

d) Làng quê tôi tràn ngập màu xanh của đồng lúa, màu xanh của bãi ngô, màu xanh của thảm cỏ.

e) Hoa hồng thơm nồng nàn, hoa huệ thơm thanh tao, hoa nhài thơm tinh khiết, hương thơm hoà quyện vào nhau lan tỏa khắp vườn.

f) Cánh đồng quê tôi tràn ngập một màu vàng, màu vàng chói chang của ánh nắng ban trưa, màu vàng trù phú của những thảm lúa đang mùa chín rộ.

Bài 6: Dùng đảo ngữ để diễn đạt lại những câu văn dưới đây cho sinh động, gợi cảm:

a) Một biển lúa vàng vây quanh em, hương lúa chín thoang thoang đâu đây.

- b) Xa xa, những ngọn núi nhấp nhô, mấy ngôi nhà thấp thoáng, vài cánh chim chiều bay lững thững về tổ.
- c) Dòng sông quê tôi đáng yêu biết bao.
- d) Những cánh cò trắng muốt tung tăng trên đồng lúa chín.
- e) Những chuyến xe qua tấp nập trên đường.
- f) Giữa trời khuya tĩnh mịch, một vầng trăng vàng vạc trên sông, một giọng hò mái đẩy thiết tha dịu dàng.
- g) Một thế giới ban mai trắng trời trắng núi.
- h) Nước sông Hương xanh biêng biếc, màu hoa phượng vĩ đỏ rực hai bên bờ.
- i) Trên sườn núi, mấy ngôi nhà lá đứng chờ vợ.
- j) Những dòng người đủ mọi sắc phục từ khắp các ngã tuôn về quảng trường Ba Đình.
- k) Vịnh Hạ Long đã làm cho nhiều du khách phải ngạc nhiên vì vẻ đẹp tự nhiên và hùng tráng của nó.
- l) Ngoài vườn, tiếng chim kêu rộn rã trong nắng sớm.
- m) Mùi hương hoa sực nức lan toả trong đêm vắng.

* **Đáp án:**

- a) Vây quanh em một biển lúa vàng, thoang thoảng đâu đây hương lúa chín.
- b) Xa xa, nhấp nhô những ngọn núi, thấp thoáng mấy ngôi nhà, lững thững vài cánh chim chiều bay về tổ.
- c) Đáng yêu biết bao dòng sông quê tôi.
- d) Trắng muốt những cánh cò tung tăng trên đồng lúa chín.
- e) Tấp nập trên đường những chuyến xe qua.
- f) Tĩnh mịch giữa trời khuya, vàng vạc trên sông một vầng trăng, thiết tha dịu dàng một giọng hò mái đẩy.
- g) Trắng trời trắng núi một thế giới ban mai.
- h) Xanh biêng biếc nước sông Hương, đỏ rực hai bên bờ màu hoa phượng vĩ.
- i) Trê sườn núi, đứng chờ vợ mấy ngôi nhà lá.
- j) Từ khắp các ngã đường tuôn về quảng trường Ba Đình những dòng người đủ mọi sắc phục.
- k) Với vẻ đẹp tự nhiên và hùng tráng, Vịnh Hạ Long đã làm ngạc nhiên nhiều du khách.
- l) Ngoài vườn, rộn rã tiếng chim kêu trong nắng sớm.
- m) Sực nức mùi hương hoa lan toả trong đêm vắng.

Bài 7: Dựa vào từng ý, hãy viết thành những câu văn gợi tả, gợi cảm hơn:

- a) Trời mưa rất to.
- b) Nắng rải trên những con sóng to đang xô vào bãi cát.
- c) Mặt sông yên lặng đầy ánh nắng.
- d) Mùa xuân về, cây cối toàn màu xanh.
- e) Trời xanh lắm.

* **Đáp án:**

- a) Mưa trắng đất, trắng trời. (Hoặc: Mưa ào ào như thác đổ)

- b) Nắng vàng trải dài trên những con sóng vạm vỡ đang nô đùa trên bãi cát.
- c) Mặt sông phẳng lặng, chan hoà ánh nắng.
- d) Mùa xuân về, cây cối tràn ngập một màu xanh mướt mát.
- e) Trời xanh thăm thẳm.

Bài 8:

Dựa vào những ý sau, hãy viết thành một đoạn văn gợi tả và gợi cảm hơn: Mùa đông đến. Những cơn gió lạnh tràn về. Nhìn lên trời, em không thấy chim én nữa. Mẹ giục em lấy áo ấm ra mặc. Em rất vui sướng khi mặc chiếc áo len mẹ mới đan cho em.

*** Đáp án:**

Có phải mùa đông lạnh lẽo đã đến rồi không?...Đúng rồi, những cơn gió lạnh như dao cắt đã vội vã tràn về ! Nhìn lên bầu trời xám xám như màu chì, em không thấy những cánh én đang chao liệng nữa. Mẹ em giục: “Con hãy lấy chiếc áo mẹ vừa đan xong ra mặc cho ấm đi !”. Xỏ tay vào chiếc áo mới, em thấy mình như được lớn thêm một tuổi và thấy ấm áp hẳn lên vì được sống trong tình thương của mẹ.

2. Bài tập về phép viết đoạn:

2.1. Ghi nhớ:

* Đoạn văn là một bộ phận của bài văn. Một bài văn hoàn chỉnh phải có ít nhất 3 đoạn: Mở bài (MB), thân bài (TB) và kết bài (KB). Phần MB và KB người ta thường trình bày thành 1 đoạn. Riêng phần TB, ta có thể tách thành 2+ 3 đoạn, tùy theo từng yêu cầu của đề.

* Đoạn văn gồm nhiều câu văn được liên kết chặt chẽ cả về nội dung và hình thức (ý và lời). Vì vậy, khi viết đoạn, chúng ta cần đảm bảo được sự liên kết chặt chẽ đó. Sự liên kết về ý thể hiện ở chỗ nội dung của mỗi câu cùng hướng về, nói về một đối tượng. Sự liên kết về lời thể hiện ở các phép liên kết câu (phép lặp, phép thế, phép nối, phép liên tưởng, ...). Đoạn nào không bảo đảm được sự liên kết đó thì đoạn văn sẽ trở lên lộn xộn, thiếu mạch lạc.

* Các đoạn văn trong một bài văn lại liên kết với nhau thành một bài văn hoàn chỉnh. Liên kết đoạn văn là làm cho nội dung bài văn (văn bản) chặt chẽ và liền mạch. Cách liên kết đoạn cũng tương tự như liên kết câu. Ta có thể dùng từ ngữ có tác dụng nối, dùng câu nối, ... và có thể liên kết theo không gian hoặc thời gian.

VD về liên kết theo thời gian:

- Đầu hè năm ngoái, Sáng nào, Ít hôm sau, Chẳng bao lâu, (Liên kết theo thời gian - Áng chừng)
- Xuân về, Hè tới, Thu sang, Khi trời chuyển mình sang đông, (Liên kết theo thời gian - Mùa).
- Mới sáng tinh mơ, ... Khi mặt trời lên, Đến giữa trưa, Tới chiều tà, Khi hoàng hôn buông xuống, (liên kết theo thời gian trong ngày).

VD về liên kết theo không gian:

- Nhìn từ xa, Lại gần, Trên cành, Dưới tán lá, (Liên kết theo không gian: từ xa đến gần).

- Hiện ngay trước mắt tôi là....Dưới mặt đất,Trên cao ,Phóng tầm mắt ra, xa, ...(Liên kết theo không gian: từ gần đến xa).

* Đoạn văn tiêu biểu thường có mở đoạn bằng một câu khái quát, câu chủ đề, nêu ý chính của cả đoạn, tiếp theo là những câu diễn giải nhằm làm sáng tỏ lời nhận định của câu mở đoạn.

VD:

Cái đẹp của Hạ Long trước hết là sự kì vĩ của thiên nhiên. Trên một diện tích hẹp mọc lên hàng nghìn đảo nhấp nhô khuất khúc như rồng châu phượng múa. Đảo có chỗ sừng sững chạy dài như bức tường thành vững chãi, ngăn khơi với lộng, nối mặt biển với chân trời. Có chỗ đảo dàn ra thưa thớt, hòn này với hòn kia biệt lập, xa trông như quân cờ bày chon von trên mặt biển. Tùy theo sự phân bố của đảo, mặt vịnh Hạ Long lúc toả mênh mông, lúc thu hẹp lại thành ao, thành vũng, lúc bị kẹp giữa hai triền đảo như một dòng suối, lúc uốn quanh chân đảo như dải lụa xanh.

Theo Thi

Sánh

* Ta cũng có thể diễn giải, liệt kê các chi tiết trước rồi mới kết đoạn bằng một câu khái quát, nhằm tóm lại những điều đã diễn giải ở trên.

VD, với đoạn văn :

“Biển và trời những hôm có trăng đẹp quá ! Trăng lên cao. Mặt nước sáng loá. Bầu trời càng sáng hơn. Cả một vùng nước sóng sánh, vàng chói lọi”.

Ta cũng có thể sắp xếp lại như sau:

“*Trăng lên cao. Mặt nước sáng loá. Bầu trời càng sáng hơn. Cả một vùng nước sóng sánh, vàng chói lọi. Biển và trời những hôm có trăng đẹp quá !*”.

* Lưu ý:

Cái hay của một đoạn văn thể hiện rõ nét nhất ở ý. Ý càng mới mẻ, càng sâu sắc, độc đáo thì đoạn văn càng có sức thuyết phục. Ý phải diễn đạt thành lời. Ý hay mà không biết cách diễn đạt thì lời văn trở nên sáo rỗng. Lời văn hay là lời văn chân thành, trong sáng, giản dị, có hình ảnh, có âm thanh, có nhạc điệu, ...và có cách sắp xếp (bố cục) chặt chẽ.

2.2. Bài tập thực hành: (Tập trung vào thể loại miêu tả):

Bài 1: Dựa vào các câu thơ sau đây, em hãy viết thành một đoạn văn tả cảnh đẹp của quê hương:

Xóm làng, đồng ruộng, rừng cây,
Non cao gió dựng, sông đầy nắng chang.
Sum sê xoài biếc, cam vàng,
Dừa nghiêng, cau thẳng hàng hàng nắng soi.
Việt Nam – Lê Anh Xuân

* **Đáp án:**

Đất nước ta mỗi miền đều có những vẻ đẹp riêng. Đây là ngọn núi đá sừng sững, bốn mùa lộng gió. Buổi sớm, núi lấp lánh ánh vàng của màu nắng, màu mây. Buổi chiều, núi sẫm lại như ánh khói lam chiều toả lên từ các mái bếp. Kia là dòng sông chan hoà ánh nắng. Mỗi khi có cơn gió nhẹ thổi qua, những

gợn sóng lăn tăn lại sáng loá lên, tưởng chừng như có trăm nghìn viên ngọc trai được dát xuống mặt sông. Lấn khuất đâu đây những mái nhà cao thấp nằm nép mình bên những rặng dừa xanh mát, với những trái xoài đung đưa trên vòm lá và những trái cam mọng nước thấp thoáng trong vườn.....

Bài 2: Viết một đoạn văn tả âm thanh em thường nghe vào buổi sáng nơi em ở.

Bài 3: Hãy tưởng tượng mình đã trưởng thành và viết một đoạn văn nói về cuộc gặp gỡ với cô giáo cũ, dựa vào 3 câu văn sau:

Một ngày hè, tôi về thăm cô giáo cũ. Gặp lại cô, tôi rất xúc động. Lúc chia tay, cô trò bịn rịn không rứt.

* **Đáp án 1:** (Thể hiện tình cảm chân thành và niềm vui của trò sau khi gặp lại cô giáo cũ)

Vào một ngày hè, tôi trở về thăm cô giáo cũ. Ngôi nhà vẫn như xưa. Cô giáo tôi đã già đi nhiều. Gặp lại cô, tôi lặng người đi vì xúc động. Cô đã kể cho tôi nghe bao sự biến đổi trong những ngày xa cách. Tôi cũng kể cho cô nghe từng bước trưởng thành của tôi. Cô hỏi tôi về những bạn bè cùng lớp, về công việc, về gia đình tôi, ... Thoáng chốc đã hết một ngày. Mây tím đã lượn lờ trôi trên nền trời. Cô trò tôi chia tay, bao lưu luyến...

* **Đáp án 2:** (Thể hiện sự băn khoăn, day dứt, ân hận của học trò sau khi gặp lại cô giáo)

Vào một buổi chiều tháng năm, tôi trở về thăm lại cô giáo cũ. Vẫn chiếc sân rộng dưới bóng lờ mờ của những cây đào già ngày xưa, khiến tôi có cảm giác như đang đi ngược lại với thời gian... Cô nhận ra tôi không chút ngỡ ngàng. Cô trò tôi thoả sức trò chuyện. Câu chuyện thường xoay quanh những chuyện vui buồn của lớp tôi. Tôi định kể cho cô nghe về công việc của tôi bây giờ. Nhưng hầu như cô đã biết cả. Cô bảo tôi: "Em biết không, các bạn viết thư cho cô nhiều lắm". Còn chuyện của cô, của gia đình cô hầu như rất mới mẻ với tôi. Qua thư bạn bè tôi viết cho cô, tôi biết thêm về cuộc sống của mỗi người. Những dòng chữ thân quen, những tình cảm chân tình của các bạn đã làm tôi thật sự xúc động. Trong cảnh sống quạnh quẽ của cô bây giờ, mỗi bước đi của tôi và bạn bè tôi dường như không bao giờ tách rời. Còn tôi, tôi nhận thấy thời gian trong kí ức tôi đã có những chỗ đứt quãng....

Bài 4: Có một nhà văn đã viết: "Mặt trăng đầu tháng như một lưỡi liềm vàng mà người thợ gạt bỏ quên trên cánh đồng đầy sao".

Em hãy viết một đoạn văn tả cảnh đẹp của bầu trời khi có trăng lưỡi liềm.

* **Đáp án:**

Có một nhà văn nào đó đã viết: "Mặt trăng đầu tháng như một lưỡi liềm vàng mà người thợ gạt bỏ quên trên cánh đồng đầy sao". Có người lại ví trăng như con thuyền, như cánh diều, ... Cách so sánh nào cũng đúng cả. Trăng non đầu tháng thật là đẹp ! Mới sẩm tối, mặt trăng đã hiện lên lơ lửng ở phía tây. Bầu trời xanh thẫm, không một gợn mây. Trời càng tối, trăng càng sáng thêm. Những ngôi sao cũng nhấp nháy mọc lên ngày một nhiều. Khoảng bảy tám